

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã được giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ Giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
<b>I</b>	<b>Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>617.000.000</b>	<b>331.000.000</b>	<b>948.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>440.000.000</b>	<b>303.000.000</b>	<b>743.000.000</b>
	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	380.000.000	363.000.000	743.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60.000.000	-60.000.000	0
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>177.000.000</b>	<b>28.000.000</b>	<b>205.000.000</b>
	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	77.000.000	-25.000.000	52.000.000
	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	100.000.000	53.000.000	153.000.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương)</b>	<b>147.000.000</b>	<b>12.000.000</b>	<b>159.000.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>147.000.000</b>	<b>12.000.000</b>	<b>159.000.000</b>
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	147.000.000	12.000.000	159.000.000
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0
<b>2.2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>470.000.000</b>	<b>319.000.000</b>	<b>789.000.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Lệ phí</b>	<b>440.000.000</b>	<b>303.000.000</b>	<b>743.000.000</b>
	Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản	380.000.000	363.000.000	743.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển	60.000.000	-60.000.000	0
<b>3.2</b>	<b>Phí</b>	<b>30.000.000</b>	<b>16.000.000</b>	<b>46.000.000</b>
	Các loại phí khai thác, sử dụng nguồn nước	0	0	0
	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	30.000.000	16.000.000	46.000.000
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>1.019.421.000</b>	<b>-20.830.882</b>	<b>998.590.118</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính (340-341)</b>	<b>419.421.000</b>	<b>621.000</b>	<b>420.042.000</b>
<b>a</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>b</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ</b>	<b>419.421.000</b>	<b>621.000</b>	<b>420.042.000</b>
	Kinh phí trang phục thanh tra	37.000.000	-1.349.000	35.651.000
	Kinh phí tuyên truyền biển và hải đảo	243.000.000	-1.500.000	241.500.000
	Kinh phí tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự tỉnh Bình Định	45.421.000	-1.910.000	43.511.000

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán đã được giao</b>	<b>Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ Giảm (-)</b>	<b>Dự toán sau điều chỉnh</b>
	Kinh phí bồi dưỡng cho các đối tượng được mời, triệu tập phối hợp tham gia tiếp công dân xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo	28.000.000	-15.620.000	12.380.000
	Kinh phí để phối hợp, hỗ trợ tổ chức Hội nghị phổ biến, tập huấn quy định pháp luật về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức tại Bình Định	66.000.000	-37.500.000	28.500.000
	Kinh phí để phối hợp tổ chức Hội thảo "Truyền thông chính sách thúc đẩy hành động hướng tới NetZero"	0	58.500.000	58.500.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp bảo vệ môi trường (250 - 278)</b>	<b>600.000.000</b>	<b>-21.451.882</b>	<b>578.548.118</b>
<i>a</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	0	0	0
<i>b</i>	<i>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ</i>	<b>600.000.000</b>	<b>-21.451.882</b>	<b>578.548.118</b>
	Kinh phí nghiên cứu, điều tra, kiểm soát nguồn thải trực tiếp gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	600.000.000	-21.451.882	578.548.118